

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010

SỐ GIAO DỊCH CHỨNG KHOAN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 34.000
	Giờ: Ngày 23 tháng 11 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,052,484,104,995	914,828,473,655
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	169,005,409,171	209,967,674,177
1. Tiền	111		57,869,036,949	151,967,674,177
2. Các khoản tương đương tiền	112		111,136,372,222	58,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		70,393,905,744	15,300,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	70,393,905,744	15,300,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		292,646,225,672	333,781,035,976
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	288,279,530,846	313,778,577,707
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	5,523,504,121	18,850,212,538
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	1,164,687,069	1,152,245,731
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(2,321,496,364)	-
IV. Hàng tồn kho	140		494,751,189,508	334,239,891,853
1. Hàng tồn kho	141	V.7	517,599,441,575	355,061,759,269
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(22,848,252,067)	(20,821,867,416)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25,687,374,900	21,539,871,649
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	1,276,950,018	608,820,078
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15,733,714,170	10,315,619,657
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	530,658,754	1,496,010,723
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	8,146,051,958	9,119,421,191

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		640,257,529,635	601,428,190,243
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		595,025,942,262	569,140,010,538
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	524,823,339,153	514,833,994,879
<i>Nguyên giá</i>	222		704,235,690,584	640,505,272,657
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(179,412,351,431)	(125,671,277,778)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	48,330,112,014	34,915,377,050
<i>Nguyên giá</i>	228		49,670,237,601	35,878,937,301
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,340,125,587)	(963,560,251)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	21,872,491,095	19,390,638,609
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10,000,000	10,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10,000,000	10,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	269		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		45,221,587,373	32,278,179,705
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	21,846,572,194	17,594,333,935
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	6,848,336,636	2,613,223,603
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	16,526,678,543	12,070,622,167
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,692,741,634,630	1,516,256,663,898

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		733,433,616,075	839,364,459,048
I. Nợ ngắn hạn	310		512,589,187,737	628,513,866,675
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	199,672,326,266	399,402,059,691
2. Phải trả người bán	312	V.19	119,077,716,704	168,013,169,506
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	8,826,975,589	1,195,641,514
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	26,163,626,316	21,899,615,883
5. Phải trả người lao động	315	V.22	28,580,818,803	24,042,250,476
6. Chi phí phải trả	316	V.23	1,178,786,879	1,148,887,790
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	108,988,776,338	4,004,047,564
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	20,100,160,842	8,808,194,251
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		220,844,428,338	210,850,592,373
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	219,172,104,693	209,822,118,693
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.27	1,672,323,645	1,028,473,680
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		918,177,145,985	642,319,399,270
I. Vốn chủ sở hữu	410		918,177,145,985	642,319,399,270
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	471,512,730,000	325,680,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	191,808,000,000	92,448,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.28	(5,578,350,428)	861,407,971
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.28	136,774,604	136,774,604
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	260,297,991,809	223,193,216,695
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		41,130,872,570	34,572,805,580
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,692,741,634,630	1,516,256,663,898

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)		3,341,383.55	4,864,228.68		
Euro (EUR)		425.18	432.41		
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 19 tháng 11 năm 2010

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

QUÝ III NĂM 2010

Mã số	Mô tả	Quý III		Lay kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
		Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009	
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	681,174,370,339	654,275,880,616	2,158,267,041,611	2,089,411,265,527	
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	10,397,322,588	4,099,043,038	11,328,734,801	13,650,576,042	
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	670,777,047,751	650,176,837,578	2,146,938,306,810	2,075,760,689,485	
11	Giá vốn hàng bán	517,367,375,184	535,394,396,798	1,741,537,098,987	1,710,411,257,335	
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	153,409,672,567	114,782,440,780	405,401,207,823	365,349,432,150	
21	Doanh thu hoạt động tài chính	14,194,666,625	18,414,644,819	47,960,328,065	46,377,750,732	
22	Chi phí tài chính	19,646,742,281	28,223,936,815	55,393,558,824	87,186,697,148	
23	Trong đó: chi phí lãi vay	11,945,421,716	7,707,485,236	34,532,876,062	37,005,208,134	
24	Chi phí bán hàng	61,960,683,175	42,773,722,543	156,372,120,544	116,635,300,266	
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10,272,773,976	10,400,155,899	36,675,581,778	27,095,735,515	
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	75,724,139,761	51,799,270,342	204,920,274,742	180,809,449,953	
31	Thu nhập khác	1,074,861,542	440,145,872	2,654,703,768	3,674,695,402	
32	Chi phí khác	41,813,275	62,594,463	175,356,245	4,190,506,984	
40	Lợi nhuận khác	1,033,048,267	377,551,409	2,479,347,523	(515,811,582)	
45	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	-	-	-	-	
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	76,757,188,028	52,176,821,751	207,399,622,265	180,293,638,371	
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12,291,082,738	4,998,866,740	35,797,058,911	16,784,016,286	
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(2,858,514,505)	(510,856,763)	(4,235,113,033)	4,095,632,965	
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	67,324,619,795	47,688,811,774	175,837,676,387	159,413,989,120	
61	Lợi ích của cổ đông thiểu số	4,918,718,233	4,280,987,347	6,558,066,990	12,883,046,695	
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62,405,901,562	43,407,824,427	169,279,609,397	146,530,942,425	
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	625	1,552	3,619	4,884	

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 11 năm 2010



Trương Thị Lệ Khanh
 Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Kim Đào
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

TP. HỒ CHÍ MINH

Số: 34242

Già Ngày 25 tháng 4 năm 10

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		207,399,622,265
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, V.13	54,094,357,752
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8	4,347,881,015
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	6,199,696,000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(6,043,105,990)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	34,532,876,062
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		300,531,327,104
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		23,183,022,023
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(160,437,389,262)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		57,933,617,591
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4,920,368,199)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.23, VI.4	(31,550,327,518)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(29,740,188,343)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.25	577,291,050
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.17, V.25	(8,227,073,995)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		147,849,910,454
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12, V.13, V.14	(67,294,850,551)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	70,064,821
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(61,063,696,835)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	3,169,791,091
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	6,890,014,768
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(118,228,676,765)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN


Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lưu kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm này
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.28	126,960,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18, V.26	615,510,941,502
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(812,090,384,927)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	(25,850,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(69,645,293,425)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(40,524,059,677)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	209,967,674,177
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(438,205,329)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	169,005,409,171



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Công ty mẹ) và các Công ty con (bao gồm Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 và Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Công ty mẹ

- a. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- b. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại.
- c. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản).

2. **Tổng số các công ty con** : 2

3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp	69,80%	69,80%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2, Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ	100,00%	100,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính của từng Công ty được trình bày theo đơn vị tiền tệ của quốc gia mà đơn vị đó hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo Đồng Việt Nam (VND), đồng tiền quốc gia mà Công ty mẹ đang hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 6

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được tính khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 4 - 5 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, trái phiếu được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 - 6 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí tư vấn

Chi phí tư vấn được phân bổ trong 18 tháng.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại các Công ty trong Tập đoàn trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của từng Công ty.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu kỳ sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty con có đồng tiền hạch toán khác với tiền Đồng Việt Nam được chuyển đổi như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010.
- Doanh thu và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD

30/09/2010 : 18.932 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.232.923.259	1.941.192.023
Tiền gửi ngân hàng	55.636.113.690	150.026.482.154
Các khoản tương đương tiền (*)	111.136.372.222	58.000.000.000
Cộng	<u>169.005.409.171</u>	<u>209.967.674.177</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 1 năm	59.063.696.835	2.800.000.000
Cho ông Phan Ngọc Ân vay	11.330.208.909	12.500.000.000
Cộng	<u>70.393.905.744</u>	<u>15.300.000.000</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	135.832.468.394	148.701.382.211
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	31.383.584.055	86.027.809.662
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	121.063.478.397	79.049.385.834
Cộng	<u>288.279.530.846</u>	<u>313.778.577.707</u>

4. Trả trước người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	5.213.442.716	15.912.029.425
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	310.061.405	2.938.183.113
Cộng	<u>5.523.504.121</u>	<u>18.850.212.538</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi cho vay phải thu	-	327.700.000
Các khoản phải thu khác	1.164.687.069	824.545.731
Cộng	<u>1.164.687.069</u>	<u>1.152.245.731</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Khoản dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) do khách hàng bị phá sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	1.031.115.352	259.157.628
Nguyên liệu, vật liệu	130.869.350.351	70.069.896.138
Công cụ, dụng cụ	2.397.932.979	2.004.874.353
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	162.236.089.522	111.911.030.281
Thành phẩm	220.376.183.504	170.791.254.700
Hàng hóa	688.769.867	25.546.169
Hàng gửi đi bán	-	-
Cộng	<u>517.599.441.575</u>	<u>355.061.759.269</u>

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	-	265.435.081
Thành phẩm	22.848.252.067	20.556.432.335
Cộng	<u>22.848.252.067</u>	<u>20.821.867.416</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	20.821.867.416
Tăng trong năm	2.026.384.651
Số cuối kỳ	<u>22.848.252.067</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	608.820.078
Tăng trong kỳ	2.453.704.028
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(1.785.574.088)
Số cuối kỳ	<u>1.276.950.018</u>

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa.

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	7.006.185.358	8.565.632.491
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.139.866.600	553.788.700
Cộng	<u>8.146.051.958</u>	<u>9.119.421.191</u>

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	245.668.821.886	381.529.678.645	11.779.335.758	1.527.436.368	640.505.272.657
Tăng trong kỳ	29.065.911.207	33.046.693.439	2.776.122.062	384.270.211	65.272.996.919
Mua sắm mới	1.100.000.000	6.161.528.438	2.776.122.062	384.270.211	10.421.920.711
Đầu tư xây dựng	26.562.982.723	26.885.165.001	0		53.448.147.724

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>hoàn thành</i>					-
Tăng khác	1.402.928.484	-	-	-	1.402.928.484
Giảm trong kỳ	-	(1.542.578.992)	-	-	(1.542.578.992)
Thanh lý, nhượng bán	-	(76.513.000)	-	-	(76.513.000)
Giảm khác	-	(1.466.065.992)	-	-	(1.466.065.992)
Số cuối kỳ	274.734.733.093	413.033.793.092	14.555.457.820	1.911.706.579	704.235.690.584
<i>Trong đó:</i> Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.458.142.921	24.344.629.623	381.243.810	173.260.395	26.357.276.749
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	20.351.429.138	101.067.873.527	3.584.492.890	667.482.223	125.671.277.778
Tăng trong kỳ	12.514.656.021	39.314.290.952	1.644.612.769	284.091.732	53.757.651.474
Khấu hao trong kỳ	12.514.656.021	39.314.290.952	1.644.612.769	284.091.732	53.757.651.474
Tăng khác	0	-	-	0	0
Giảm trong kỳ	-	(16.577.821)	-	-	(16.577.821)
Thanh lý, nhượng bán	-	(16.577.821)	-	-	(16.577.821)
Giảm khác	-	0	-	-	0
Số cuối kỳ	32.866.085.159	140.365.586.658	5.229.105.659	951.573.955	179.412.351.431
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	225.317.392.748	280.461.805.118	8.194.842.868	859.954.145	514.833.994.879
Số cuối kỳ	241.868.647.934	272.668.206.434	9.326.352.161	960.132.624	524.823.339.153
<i>Trong đó:</i> Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	35.275.891.501	603.045.800	35.878.937.301
Mua trong kỳ	13.645.050.300	146.250.000	13.791.300.300

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Số cuối kỳ	48.920.941.801	749.295.800	49.670.237.601
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	126.500.596	126.500.596
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	612.648.913	350.911.338	963.560.251
Khấu hao trong kỳ	286.396.056	90.169.280	376.565.336
Số cuối kỳ	899.044.969	441.080.618	1.340.125.587
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	34.663.242.588	252.134.462	34.915.377.050
Số cuối kỳ	48.021.896.832	308.215.182	48.330.112.014

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	1.860.216.476	567.330.000	(1.860.216.476)	567.330.000
XDCB dở dang	17.530.422.133	57.136.479.413	(53.361.740.451)	21.305.161.095
Công trình nhà xưởng số 1	14.065.351.190	43.080.012.103	(43.416.732.874)	13.728.630.419
Công trình nhà xưởng số 2	0	199.889.060	0	199.889.060
Công trình nhà xưởng số 3	1.920.571.250	0	-	1.920.571.250
Chi phí đào ao nuôi cá	992.567.852	9.455.309.377	(5.121.338.816)	5.326.538.413
Các chi phí xây dựng dở dang khác	551.931.841	4.401.268.873	(4.823.668.761)	129.531.953
Cộng	19.390.638.609	57.703.809.413	(55.221.956.927)	21.872.491.095

15. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu năm	17.594.333.935
Phát sinh trong năm	8.962.391.853
Hoàn nhập trong năm	(4.710.153.594)
Số cuối năm	21.846.572.194

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	2.613.223.603
Phát sinh trong kỳ	6.848.336.636
Hoàn nhập trong kỳ	(2.613.223.603)
Số cuối kỳ	6.848.336.636

17. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**18. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	199.672.326.266	355.168.735.691
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ^(a)	74.372.326.266	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	6.000.000.000	276.252.854.450
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	119.300.000.000	78.915.881.241
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.26)	0	44.233.324.000
Cộng	<u>199.672.326.266</u>	<u>399.402.059.691</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	355.168.735.691	580.360.651.502	-	(735.857.060.927)	-	199.672.326.266
Vay dài hạn đến hạn trả	44.233.324.000	-	8.000.000.000	(52.233.324.000)	-	-
Cộng	<u>399.402.059.691</u>	<u>580.360.651.502</u>	<u>8.000.000.000</u>	<u>(788.090.384.927)</u>	<u>-</u>	<u>199.672.326.266</u>

19. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	87.221.034.815	103.544.659.164
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	31.853.842.088	64.026.648.629
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	2.839.801	441.861.713
Cộng	<u>119.077.716.704</u>	<u>168.013.169.506</u>

20. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	812.238.340	1.020.327.068
Các khách hàng ngoài nước	8.014.737.249	175.314.446
Cộng	<u>8.826.975.589</u>	<u>1.195.641.514</u>

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	3.087.179.292	(1.549.135.763)	1.538.043.529
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.114.854.235	12.974.160.289	(13.947.659.693)	141.354.831
Thuế xuất, nhập khẩu ^(*)	(1.496.010.723)	1.917.587.047	(952.235.078)	(530.658.754)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.473.339.655	35.899.542.651	(31.324.118.505)	22.048.763.801
Thuế thu nhập cá nhân	95.657.597	1.091.921.272	(821.439.867)	366.139.002
Thuế nhà đất	-	393.934.289	(393.934.289)	-
Các loại thuế khác	3.215.764.396	180.627.920	(1.327.067.163)	2.069.325.153
Cộng	<u>20.403.605.160</u>	<u>55.544.952.760</u>	<u>(50.315.590.358)</u>	<u>25.632.967.562</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

10

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (*) Thuế xuất nhập khẩu nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (thuyết minh V.10).

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Thủy sản xuất khẩu	0%
- Thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến, bột cá	5%
- Thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu, mỡ cá, ...	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động

Lương tháng 9 và khoản trích lương tháng 13 phải trả công nhân viên.

23. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	72.906.836	447.052.580
Chi phí khác	1.105.880.043	701.835.210
Cộng	<u>1.178.786.879</u>	<u>1.148.887.790</u>

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.659.250.898	1.196.106.374
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	261.526.661	577.514.590
Bảo hiểm thất nghiệp	1.856.355	-
Cổ tức phải trả	45.400.000	71.250.000
Phải trả tiền hàng XK Ủy thác	105.192.598.399	
Các khoản phải trả khác	1.828.144.025	2.159.176.600
Cộng	<u>108.988.776.338</u>	<u>4.004.047.564</u>

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	8.680.822.348
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	15.526.034.445
Tăng khác	577.291.050
Chi quỹ trong kỳ	(4.683.987.001)
Giảm khác	
Số cuối kỳ	<u>20.100.160.842</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**26. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	150.760.552.693	143.822.118.693
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ^(b)	68.411.552.000	66.000.000.000
Cộng	<u>219.172.104.693</u>	<u>209.822.118.693</u>

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 1 năm trở xuống	-
Trên 1 năm đến 5 năm	195.544.544.000
Trên 5 năm	23.627.560.693
Tổng nợ	<u>219.172.104.693</u>

Chi tiết phát sinh trong kỳ của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	209.822.118.693
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	35.150.290.000
Chênh lệch tỷ giá	6.199.696.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(24.000.000.000)
Số kết chuyển	(8.000.000.000)
Số cuối kỳ	<u>219.172.104.693</u>

27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	1.028.473.680
Số trích lập trong kỳ	832.587.965
Số chi trong kỳ	(188.738.000)
Số cuối kỳ	<u>1.672.323.645</u>

28. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	25.850.000
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	<u>25.850.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.151.273	32.568.000
- Cổ phiếu phổ thông	47.151.273	32.568.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.151.273	32.568.000
- Cổ phiếu phổ thông	47.151.273	32.568.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>
Tổng doanh thu	2.158.267.041.611
- Doanh thu bán hàng hóa	354.000.776.041
- Doanh thu bán thành phẩm	1.553.238.192.126
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.605.201.929
- Doanh thu nguyên vật liệu	20.525.757.224
- Doanh thu phụ phẩm	218.897.114.291
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(11.328.734.801)
- Giảm giá hàng bán	(10.740.965.768)
- Hàng bán bị trả lại	(587.769.033)
Doanh thu thuần	<u>2.146.938.306.810</u>
Trong đó:	
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	351.461.310.598
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.544.448.922.768
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	11.605.201.929
- Doanh thu thuần nguyên vật liệu	20.525.757.224
- Doanh thu thuần phụ phẩm	218.897.114.291

2. Giá vốn hàng bán

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>
Giá vốn của hàng hóa	317.914.237.401
Giá vốn của thành phẩm	1.231.056.338.356
Giá vốn của nguyên vật liệu	18.751.199.465
Giá vốn của phế phẩm	171.788.939.114
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.026.384.651
Cộng	<u>1.741.537.098.987</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.702.582.882

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
	Năm nay
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	438.773.049
Lãi cho vay	1.344.350.435
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	2.714.201.182
Lãi bán hàng trả chậm	5.804.389.871
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	30.956.030.646
Cộng	<u>47.960.328.065</u>
4. Chi phí tài chính	
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
	Năm nay
Lãi tiền vay	34.532.876.062
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.199.705.305
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.660.977.457
Cộng	<u>55.393.558.824</u>
5. Chi phí bán hàng	
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
	Năm nay
Chi phí nhân viên	3.268.788.077
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.720.919
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.473.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.071.690.464
Chi phí bằng tiền khác	43.920.447.249
Cộng	<u>156.372.120.544</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
	Năm nay
Chi phí nhân viên	12.540.134.810
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	541.367.815
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.433.652.430
Thuế, phí và lệ phí	695.744.542
Chi phí dự phòng	3.226.298.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.501.301.480
Chi phí bằng tiền khác	14.737.081.982
Cộng	<u>36.675.581.778</u>
7. Thu nhập khác	
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
	Năm nay
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	65.000.000
Các khoản khác	2.589.703.768
Cộng	<u>2.654.703.768</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý		59.935.179
Các khoản khác		115.421.066
Cộng		<u>175.356.245</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông của Công ty mẹ	169.279.609.397	103.123.117.998
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	169.279.609.397	103.123.117.998
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	46.770.023	30.942.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.619</u>	<u>3.333</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Các giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ, các Công ty trong Tập đoàn có các giao dịch không bằng tiền như sau:

Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế số tiền là 118.232.730.000 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay
<i>Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc</i>	
Bán hàng hóa	303.170.009
Mua nguyên liệu	16.057.677.950
<i>Các cá nhân có liên quan</i>	
Bán hàng hóa	410.623.078
Mua nguyên vật liệu, dịch vụ	12.933.191.700

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	1.300.007.766	1.473.813.981
Các cá nhân có liên quan	846.331.500	258.842.500
Cộng nợ phải thu	<u>2.146.339.266</u>	<u>1.732.656.481</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	
Mua hàng hóa, dịch vụ, nhận UTXK	346.954.468.376
Bán nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ	25.253.496.781
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	
Mua hàng hóa, dịch vụ, nhận UTXK	33.049.701.418
Bán nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ	3.077.239.392

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải thu tiền hàng	9.772.820.840	-
Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải thu tiền hàng	2.270.633.647	-
Cộng nợ phải thu	12.043.454.487	-
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	76.437.799.680	22.811.800.508
Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	28.754.798.719	1.281.184.200
Cộng nợ phải trả	105.192.598.399	24.092.984.708

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 11 năm 2010



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng




Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	300,000,000,000	-	459,674,037	136,774,604	88,223,024,624	388,819,473,265
Điều chỉnh năm trước	-	-	-	-	(4,493,926)	(4,493,926)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo	-	-	401,733,934	-	-	401,733,934
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho các năm trước	-	-	-	-	(5,283,115,639)	(5,283,115,639)
Phát hành cổ phiếu tăng vốn	25,680,000,000	92,448,000,000	-	-	-	118,128,000,000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	193,229,063,506	193,229,063,506
Chia cổ tức	-	-	-	-	(45,084,750,000)	(45,084,750,000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(7,886,511,870)	(7,886,511,870)
Số dư cuối năm trước	325,680,000,000	92,448,000,000	861,407,971	136,774,604	223,193,216,695	642,319,399,270
Số dư đầu năm nay	325,680,000,000	92,448,000,000	861,407,971	136,774,604	223,193,216,695	642,319,399,270
Trích các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	(15,526,034,445)	(15,526,034,445)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo	-	-	742,698,845	-	-	742,698,845
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên và tạm ứng cổ tức 2010	118,232,730,000	-	-	-	(118,232,730,000)	-
Phát hành cổ phiếu tăng vốn	27,600,000,000	99,360,000,000	-	-	-	126,960,000,000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	169,279,609,397	169,279,609,397
Giảm thuế TND phải nộp 2009	-	-	-	-	1,583,930,162	1,583,930,162
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	?	?	-	(7,182,457,244)
Số dư cuối kỳ này	471,512,730,000	191,808,000,000	(5,578,350,428)	136,774,604	260,297,991,809	918,177,145,985

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 11 năm 2010



(Handwritten signature)

Trương Thị Lệ Khanh
 Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Kim Đào
 Kế toán trưởng